

CHÍNH SÁCH XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

VÕ THỊ KIM THU *

Đại đa số đồng bào dân tộc Khmer thuộc thành phần lao động sản xuất nông nghiệp mang tính chất sản xuất nhỏ - “tiểu nông”, trình độ mặt bằng dân trí thấp, lại sản xuất trong những điều kiện tự nhiên không thuận lợi: Đất giống cát, nhiễm mặn, nhiễm phèn, hệ thống thủy lợi chưa hoàn chỉnh, giao thông không thuận tiện... cho nên đa số đồng bào dân tộc Khmer có cuộc sống hết sức khó khăn. Do đó, trong cuộc chiến chống đói nghèo nói chung thì xóa đói giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm.

Các chính sách của Nhà nước trong quá trình thực hiện xóa đói giảm nghèo đối với đồng bào dân tộc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long

Hiện nay đồng bào Khmer vùng ĐBSCL có gần 1,3 triệu người sinh sống tập trung ở 9 tỉnh, thành Tây Nam Bộ; trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh: Trà Vinh có 318.288 người, chiếm 31,58% dân số tỉnh; Sóc Trăng trên 397.014 người, chiếm 30,71%; Kiên Giang trên 213.000 người, chiếm 12,5%; Bạc Liêu trên 66.000 người, chiếm 7,66%; An Giang trên 91.018 người, chiếm 4,24%... chiếm tỷ lệ 10,6 % so với dân số chung của 9 tỉnh, thành phố và chiếm tỷ lệ 6,31% so với dân số 13 tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL. Trong đó, trên 90% đồng bào Khmer sinh sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; chỉ có một bộ phận nhỏ sinh sống ở thành thị⁽¹⁾.

Do vậy, thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ nâng cao đời sống cho người dân trong vùng đồng bào Khmer. Cụ thể

như: Chỉ thị số 68-CT/TW, ngày 18-4-1991, của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI “Về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer”; Thông báo Kết luận số 67-TB/TW, ngày 14-3-2007, của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X “Về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 68-CT/TW; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; Kết luận số 57-KL/TW, ngày 03-11-2009, của Bộ Chính trị “Về công tác dân tộc”; Kết luận số 28-KL/TW, ngày 14-8-2012 của Bộ Chính trị về “Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long, thời kỳ 2011 - 2020”.

Thể chế hóa những chủ trương của Đảng, những năm qua, Chính phủ đã ban hành hàng loạt chính sách trợ giúp đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, trong đó có đồng bào Khmer. Cụ thể là: Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg “Phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa”; Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg “Về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn”; Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg “Về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn”; Quyết định số 289/QĐ-TTg, ngày 18-3-2008 “Về ban hành một số chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và ngư dân”; Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg “Về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo”; Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg “Về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số”; Quyết định số 1033/QĐ-TTg “Về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011 -

* Thạc sĩ, Học viện Chính trị Khu vực IV.

1 - Nguyễn Thị Ánh và Nguyễn Thị Nghĩa (2014), *Thực trạng, giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với đồng bào dân tộc Khmer ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ 30 (2014): 84-91.

2015” - trong đó có 12 nội dung liên quan đến đồng bào Khmer...

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc nói chung và đồng bào Khmer Nam Bộ nói riêng, hầu hết các địa phương đều thực hiện chăm lo, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, đời sống cho người dân. Trong giai đoạn 2006 - 2010 đã giảm được 42.352 hộ Khmer nghèo từ 103.170 hộ của đầu giai đoạn xuống còn 60.818 hộ vào cuối giai đoạn. Xét về tỷ lệ so với tổng số hộ Khmer, trong 5 năm các địa phương trong vùng giảm được 17,11%, trung bình mỗi năm giảm được 3,42%, tỷ lệ hộ nghèo còn lại cuối giai đoạn so với tổng số hộ Khmer là 24,57%. Giai đoạn từ 2011 đến nay, số lượng hộ Khmer giảm nghèo là 9.352 hộ nhưng cũng có số hộ nghèo mới tăng là do các thành viên sinh sống trong hộ nghèo tiếp tục tách, lập thành hộ mới. Trong giai đoạn này, trung bình mỗi năm, các địa phương vùng Tây Nam Bộ giảm trung bình 3% hộ nghèo dân tộc Khmer. Đến cuối năm 2013, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào giảm xuống còn khoảng 25%⁽²⁾.

Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2013, bằng nhiều nguồn vốn của Trung ương và địa phương, các tỉnh, thành phố vùng Tây Nam Bộ - nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống đã đầu tư, hỗ trợ trên 2.000 tỷ đồng để thực hiện các chương trình 134, 135, 74, 102, 32 và một số chính sách đặc thù khác của Nhà nước trong vùng đồng bào Khmer. Đối với Chương trình 134 và các chính sách bổ sung, lồng ghép, các địa phương đã hỗ trợ xây dựng trên 96.150 căn nhà, trợ giúp cho 2.577 hộ định cư, giải quyết việc làm cho 22.765 lao động, chuyển đổi ngành nghề cho 65.746 hộ, hỗ trợ giải quyết việc làm cho 16.680 hộ, hỗ trợ đất ở cho 5.235 hộ và đất sản xuất cho 6.734 hộ, hỗ trợ cho hàng chục ngàn hộ vay vốn sản xuất... Chương trình 135 giai đoạn 1 tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng cho 207 xã đặc biệt khó khăn và 44 trung tâm cụm xã và đã có 48 xã hoàn thành mục tiêu của chương trình; trong giai đoạn 2 đã tiếp tục đầu tư xây dựng cho 181 xã và 162 ấp đặc biệt khó

khăn, đến năm 2012 đã có 45 xã hoàn thành mục tiêu của chương trình⁽³⁾.

Nhờ đó, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào Khmer ngày càng được cải thiện và nâng cao. Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2013, ở vùng Tây Nam Bộ, tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc Khmer sử dụng điện chiếm trên 90%, hộ có phương tiện nghe nhìn trên 95%. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer giảm dần, từ 40% năm 2000 còn 28% năm 2004 và 24% năm 2010 (nếu xét tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015 thì còn khoảng 28%). Ở nhiều địa phương có đông đồng bào dân tộc Khmer, ngày càng xuất hiện nhiều mô hình, điển hình hợp tác sản xuất có hiệu quả kinh tế cao, nhiều hộ nông dân Khmer vượt khó, thoát nghèo được biểu dương...⁽⁴⁾

Tuy nhiên, nhiều chuyên gia và lãnh đạo các địa phương vùng ĐBSCL có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống cùng chung quan điểm rằng, việc chăm lo đời sống, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào Khmer chưa thật sự bền vững khi nhiều hộ thoát nghèo nhưng còn ở ngưỡng cận nghèo, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Tốc độ giảm nghèo ở các địa phương không đồng đều, có nơi tỷ lệ giảm nghèo rất thấp, một số xã chỉ giảm 0,1 - 0,2%...

Giải pháp chính sách hỗ trợ đối với những hộ Khmer nghèo ở đồng bằng sông Cửu Long

Để tháo gỡ những tồn tại nói trên, hiện các tỉnh, thành vùng ĐBSCL có đồng bào Khmer sinh sống rất mong muốn các cơ quan Trung ương cần sớm ban hành chính sách, đề án đồng bộ và kịp thời triển khai thực hiện theo tinh thần Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể cần quan tâm tới các chính sách:

- Chính sách hỗ trợ sản xuất: Tiếp tục thực hiện hỗ trợ đất sản xuất theo Quyết định số 755/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc

2 - Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, "Báo cáo 10 năm tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long", Cần Thơ 2014.

3 - Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Báo cáo của Vụ Dân tộc - Tôn giáo 2013.

4 - Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Báo cáo của Vụ Dân tộc - Tôn giáo 2013.

thiếu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn và Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015.

- Chính sách tín dụng: Vận dụng linh hoạt các chính sách, cơ chế về tín dụng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào dân tộc Khmer tiếp cận nhanh chóng và dễ dàng với nguồn vốn vay phục vụ sản xuất kinh doanh, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào. Đối với hộ nông dân nghèo không có tài sản thế chấp, thì cần có các tổ chức như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ... bảo lãnh để được vay vốn sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc Khmer.

- Chính sách tăng cường hỗ trợ ứng dụng, triển khai kỹ thuật vào sản xuất, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận với tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất: đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đảm bảo chất lượng, năng suất tiến tới sản xuất hàng hóa; triển khai các mô hình phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, có hiệu quả, phù hợp với điều kiện sản xuất và tình hình thực tế của từng địa phương, đặc biệt là vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống.

- Chính sách phát triển các làng nghề truyền thống: Nhà nước cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển những nghề truyền thống (về vốn, đào tạo nghề, áp dụng tiến bộ kỹ thuật cải tiến công nghệ truyền thống...) của đồng bào dân tộc Khmer như dệt thổ cẩm; mộc (điều khắc, chạm trổ, đóng thuyền, chế tác nhạc cụ truyền thống...); dệt chiếu; nghề gốm; đan lát; nấu đường thốt nốt; làm cốm dẹp... nhằm góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho một bộ phận người nghèo đồng thời bảo tồn những giá trị văn hoá dân tộc độc đáo của đồng bào Khmer.

- Chính sách tăng cường đội ngũ cán bộ, quản lý nhà nước là người dân tộc Khmer: Tăng cường tỷ lệ cán bộ là người dân tộc Khmer trong các cấp chính quyền, các cơ quan nhà nước, đặc biệt trong đại biểu dân cử các cấp; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ người dân tộc Khmer đảm bảo cơ cấu, số lượng, chất lượng; đổi mới và bảo đảm chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ công tác tại

vùng đồng bào dân tộc Khmer, có chính sách tôn vinh cán bộ người dân tộc nông cốt, có uy tín, có nhiều cống hiến đối với địa phương và đất nước...

- Triển khai và thực hiện tốt chính sách phát triển nguồn nhân lực trong đó có nguồn nhân lực đồng bào dân tộc Khmer ở 13 tỉnh, thành vùng ĐBSCL, đặc biệt là tại các tỉnh có đông đồng bào Khmer sinh sống tập trung, cụ thể: Triển khai và thực hiện tốt Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2012 của UBND tỉnh Trà Vinh, Quyết định số 11/QĐHC-CTUBND ngày 06 tháng 01 năm 2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2012 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2020.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chính sách phát triển giáo dục - đào tạo và dạy nghề vùng ĐBSCL giai đoạn 2011 - 2015 tại Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 30/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong vùng nói chung và đối với đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng. Đẩy mạnh kiên cố hóa trường lớp; xây dựng trường dân tộc nội trú ở các huyện có đông đồng bào dân tộc Khmer; triển khai có chất lượng chương trình, sách giáo khoa tiếng dân tộc ở bậc tiểu học và trung học cơ sở; tiếp tục thực hiện hỗ trợ sách giáo khoa, vở viết cho con em dân tộc thuộc hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn; miễn, giảm học phí cho con em dân tộc đang học ở các trường nghề, các cấp học trung học, cao đẳng và đại học; thực hiện tốt chương trình phổ cập giáo dục trung học phổ thông trong đồng bào dân tộc Khmer.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục, vận động các tổ chức, hội, đoàn thể tạo điều kiện cho con em hộ nghèo đến trường bằng nhiều hình thức: Hỗ trợ học bổng, dụng cụ học tập, sách, vở, phương tiện đi lại...

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh khuyến khích lao động người dân tộc Khmer tham gia học nghề thông qua những mô hình kinh tế hiệu quả, mô hình sản xuất điểm, hướng dẫn họ làm theo, chú trọng những mô hình đem lại thu nhập nhanh giúp giải quyết nhu cầu sinh hoạt trước mắt để yên tâm học nghề. ☐